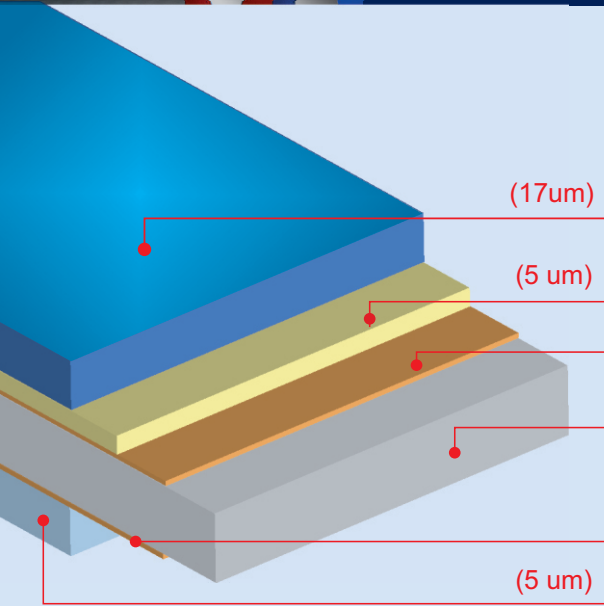


FUJITON

## TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

FEATURES PRODUCT

### CẤU TRÚC SẢN PHẨM - PRODUCT STRUCTURE

- 
- (17um) ① Lớp sơn hoàn thiện mặt trên có khả năng kháng khuẩn và chống nấm mốc  
Top coated layer with antibacteria and mold resistance capabilities
  - (5 um) ② Lớp sơn lót hạn chế ăn mòn / Corrosion - resistant primer
  - ③ Lớp biến tính / Conversion coating
  - ④ Thép nền mạ hợp kim nhôm kẽm hoặc mạ kẽm / Steel Substrate :  
Zinc-Aluminium alloy coated or Zinc alloy coated
  - ⑤ Lớp biến tính / Conversion coating
  - (5 um) ⑥ Lớp sơn lót hoàn thiện mặt dưới / Undercoat

### ỨNG DỤNG ĐIỂN HÌNH - TYPICAL APPLICATIONS



NHÃN HIỆU CAO CẤP - HIGHEST QUALITY TRADEMARK

## TÔN MẠ MÀU KHÁNG KHUẨN

# FUJITON<sup>®</sup> ANTIBACTERIA<sup>™</sup>

“ブランドと品質へのこだわり”  
“Cam kết Đẳng cấp và Chất lượng”

## Tôn hàng đầu Nhật Bản

### tại Việt Nam

Japanese Leading Steel Sheet in Vietnam

Sản phẩm của / Product of



Hotline: +84 912 376 376

### CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN MẠ MÀU FUJITON - FUJITON COLOR COATING STEEL JSC

Nhà máy sản xuất / Factory:

Địa chỉ: Đường TS19/TS21, KCN Tiên Sơn, Phường Đồng Nguyên, Thị xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Address : Road TS19/TS21, Tien Son Industrial Zone, Bac Ninh Province, Dong Nguyen Ward, Tu Son Town, Viet Nam.

Điện thoại / Tel: +84 22 2373 4794 Fax: +84 22 2373 4792

VP tại Hà Nội : Số 42, Tô Hiến Thành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam.

Ha Noi Office : No.42, To Hien Thanh Street, Hai Ba Trung District, Ha Noi, Viet Nam.

Điện thoại / Tel: +84 24 3974 9610 Fax: +84 24 3974 9611

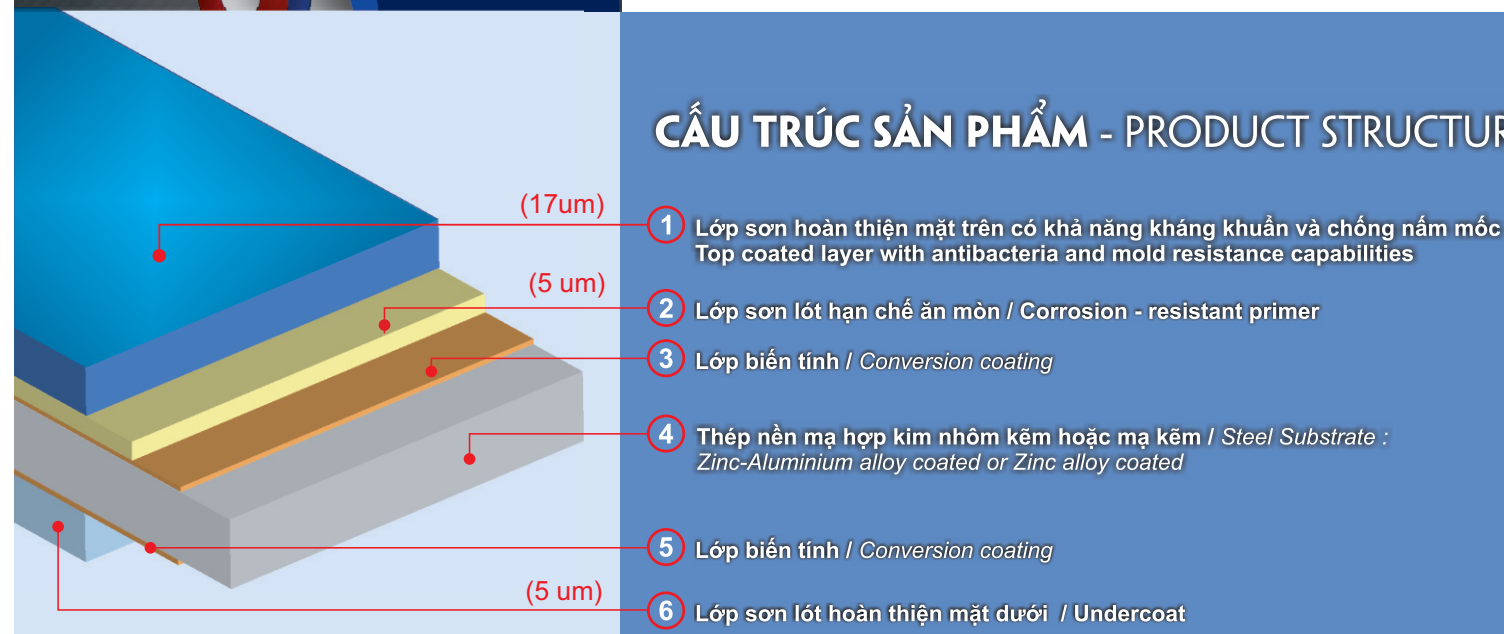


FUJITON

## TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

FEATURES PRODUCT

### CẤU TRÚC SẢN PHẨM - PRODUCT STRUCTURE



### ỨNG DỤNG ĐIỂN HÌNH - TYPICAL APPLICATIONS



### CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN MÀU MÀU FUJITON - FUJITON COLOR COATING STEEL JSC

Nhà máy sản xuất / Factory:

Địa chỉ: Đường TS19/TS21, KCN Tiên Sơn, Phường Đồng Nguyên, Thị xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Address : Road TS19/TS21, Tien Son Industrial Zone, Bac Ninh Province, Dong Nguyen Ward, Tu Son Town, Viet Nam.

Điện thoại / Tel: +84 22 2373 4794 Fax: +84 22 2373 4792

VP tại Hà Nội : Số 42, Tô Hiến Thành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam.

Ha Noi Office : No.42, To Hien Thanh Street, Hai Ba Trung District, Ha Noi, Viet Nam.

Điện thoại / Tel: +84 24 3974 9610 Fax: +84 24 3974 9611

Hotline: +84 912 376 376

NHÃN HIỆU CAO CẤP - HIGHEST QUALITY TRADEMARK

## TÔN MÀU MÀU KHÁNG KHUẨN

# FUJITON<sup>®</sup> ANTIBACTERIA<sup>™</sup>

“ブランドと品質へのこだわり”  
“Cam kết Đẳng cấp và Chất lượng”



## TÔN MÀU MÀU FUJITON

Tôn hàng đầu Nhật Bản tại Việt Nam

Japanese Leading Steel Sheet in Vietnam

Sản phẩm của / Product of





FUJITON Antibacteria : Sản phẩm cao cấp có chức năng kháng khuẩn, chống nấm mốc.

FUJITON Antibacteria: Với lớp sơn màu là sơn công thức Polyester kết hợp với các ION kim loại tạo thành lớp sơn có khả năng kháng khuẩn và chống nấm mốc.

#### ỨNG DỤNG ĐIỂN HÌNH:

FUJITON Antibacteria: phù hợp với các công trình nhà sạch, vách ngăn phòng bệnh viện, kho lạnh, xưởng sản xuất, chế biến và bảo quản thực phẩm, dược phẩm ...

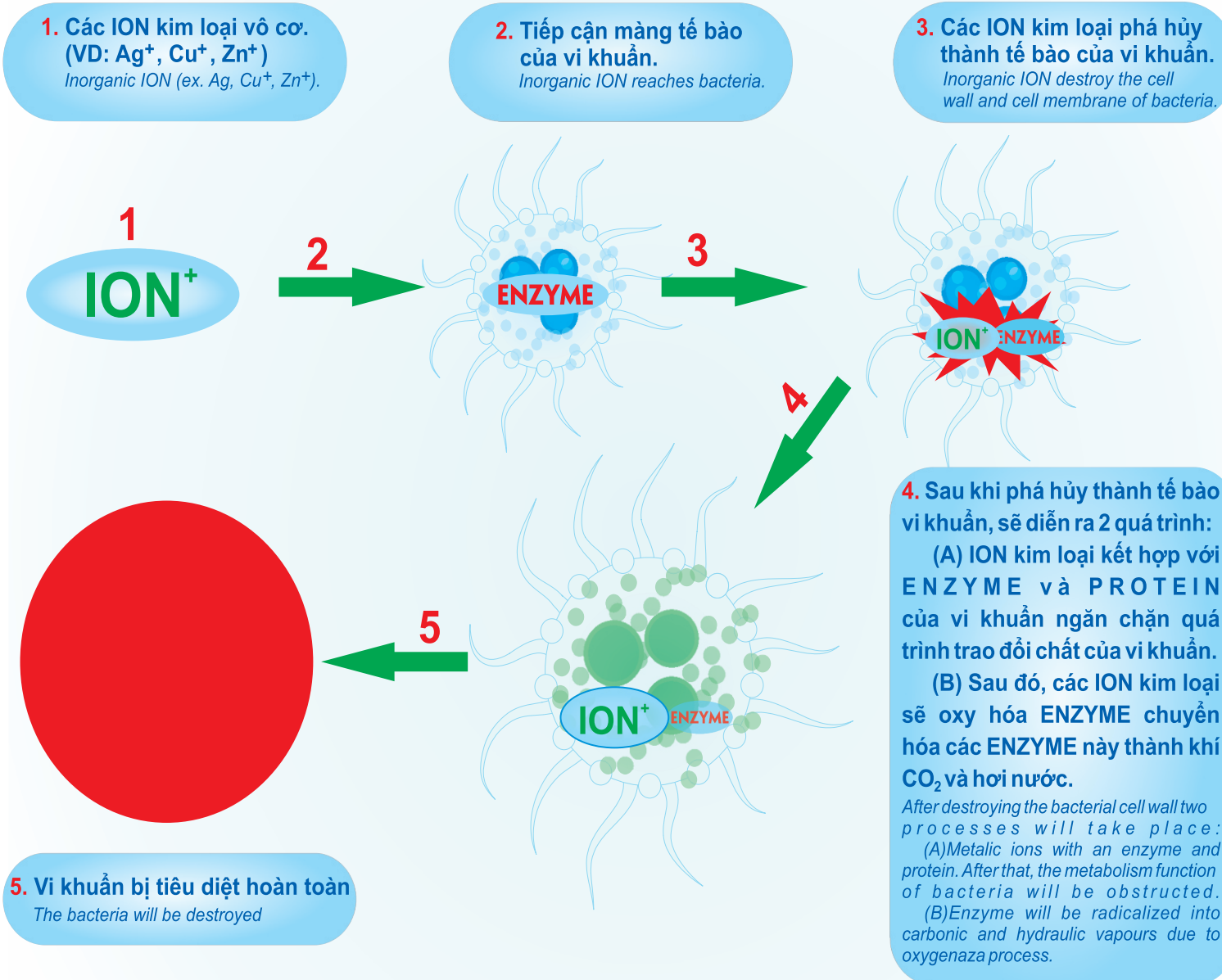
FUJITON Antibacteria: High quality product with antibacteria and mold resistance capabilities.

FUJITON Antibacteria: The coating paint which made up of Polyester formula paint and metallic ions has antibacteria and mold resistance capabilities.

#### TYPICAL APPLICATIONS:

FUJITON Antibacteria: suitable for clean house structures / partitions in hospitals, refrigerated warehouse, food and pharmaceutical products processing and storage facilities ...

## CƠ CHẾ KHÁNG KHUẨN - MECHANISM OF ANTIBACTERIA



## KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM KHẢ NĂNG KHÁNG KHUẨN VÀ CHỐNG NẤM MỐC

Antibacteria and mold resistant capability test results

1. Kết quả kiểm nghiệm khả năng kháng khuẩn của Phòng nghiên cứu thực phẩm Nhật Bản.  
Antibacteria test results examined by JFRL.

Theo tiêu chuẩn JIS Z 2801: 2012 / According to standards of JIS Z 2801: 2012.



Hình ảnh thử nghiệm:  
Test result images:

### Khuẩn tụ cầu / Staphylococcus Areus



### Khuẩn đại tràng / Escherichia Coli



2. Kết quả kiểm nghiệm khả năng chống nấm mốc của Phòng giám định Quốc tế SGS Thượng Hải.  
Antibacteria capabilities test result by SGS.

Theo tiêu chuẩn GB/T 21866-2008 / According to standards of GB/T 21866-2008.



| Vi khuẩn<br>Test organisms  | Nồng độ ban đầu<br>Bacteria concentration<br>(cfu/mL) | Nồng độ sau 24 giờ<br>The number of bacteria recovered after 24 hours<br>(cfu/piece) |                         | Tỉ lệ kháng khuẩn<br>Antibacteria rate(%) |
|-----------------------------|-------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------------------|
| Nấm mốc<br>Candida Albicans | 5.2 x 10 <sup>5</sup>                                 | Mẫu FUJITON<br>FUJITON sample                                                        | < 1.0 x 10 <sup>3</sup> | > 99.99                                   |
|                             |                                                       | Mẫu đối chứng<br>Control sample                                                      | 4.5 x 10 <sup>7</sup>   |                                           |
|                             |                                                       | Mẫu ngẫu nhiên<br>Negative sample                                                    | 3.2 x 10 <sup>7</sup>   |                                           |

3. Đặc tính lớp sơn  
Properties

| Đặc tính<br>Properties                                  | Kết quả<br>Result | Tiêu chuẩn tham chiếu          |
|---------------------------------------------------------|-------------------|--------------------------------|
| Độ bóng                                                 | 40 ± 5%           | FUJITON Standard               |
| Độ bền phun muối                                        | 500h              | ASTM D714-87;<br>ASTM D1654-92 |
| QUV-A                                                   | 1000h             | ASTM G154-98                   |
| T - Bend                                                | ≤ 2T              | JIS G 3322                     |
| Độ cứng bút chì                                         | Min 3H            | JIS G 3322                     |
| Độ bền va đập<br>R = 6.35mm;<br>H = 500mm;<br>M = 500g; | Không bong tróc   | JIS G 3322                     |
| Độ bền dung môi                                         | ≥ 100 lần         | JIS G 3322                     |

4. Thép nền  
Steel substrate

| Ký hiệu thép | Giới hạn chảy<br>N/mm2 | Độ bền kéo<br>N/mm2 | Độ giãn dài<br>% | Jis3321 | TCVN7470 |
|--------------|------------------------|---------------------|------------------|---------|----------|
| G300         | 300 min                | 340min              | 17               | SGLC400 | G300     |
| G350         | 350min                 | 420 min             | 15               | SGLC400 | G350     |
| G550         | 500 min                | 550 min             | 2                | SGLC570 | G550     |